

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày 25/01/2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Dũng;
- Bà Đinh Thị Thanh Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu H, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2023/TLST-DS ngày 17/7/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2023/QĐXXST-DS ngày 18/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS ngày 09/01/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H1 sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm K, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm K, thôn A, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị T là người cùng thôn nên có mối quan hệ quen biết với nhau. Vào ngày 27/3/2010 (âm lịch) bà T đến nhà bà để hỏi vay tiền, bà đồng ý cho vay bà T số tiền 13.000.000 đồng, sau đó bà Thu m hàng tạp hóa nợ bà 720.000 đồng. Bà đưa 02 mẫu Giấy vay mượn cho bà T trực tiếp viết và ký tên đều ghi ngày 27/3/2010, một tờ nhận nợ 13.000.000 đồng và một tờ nhận nợ 720.000 đồng. Giấy vay mượn không ghi ngày đến hạn trả nợ, không ghi lãi suất. Bà T hứa chờ người thân bên Mỹ gửi tiền về sẽ trả cho bà nhưng bà chờ mãi không trả. Ngày 21/10/2022 bà làm Thông báo đòi nợ gửi cho bà T yêu cầu bà T trả nợ trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận thông báo nhưng bà T vẫn không trả nợ cho bà. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền gốc là 13.720.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/3/2010 đến ngày 27/03/2023 là 156 tháng, mức lãi suất 1.6%/tháng, tổng tiền lãi là 34.245.120 đồng, tổng cộng tiền

gốc và lãi là 47.965.120 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà T trả lãi từ ngày 02/11/2022 đến ngày xét xử (25/01/2024) là 14 tháng 23 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 1.681.569 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 15.401.569 đồng. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:*

Bà có quan hệ quen biết với bà Trần Thị H1 nên bà vay của bà H1 02 lần cùng ngày 27/3/2010 âm lịch cụ thể lần thứ nhất bà vay 13.000.000 đồng, lần thứ hai bà vay 720.000 đồng, tổng cộng 13.720.000 đồng, bà là người viết và ký tên vào Giấy vay mượn theo mẫu bà H1 soạn sẵn. Nội dung giấy vay mượn không thể hiện thỏa thuận lãi và thời gian trả nợ, thực tế thì bà và bà H1 không thỏa thuận lãi suất vay, mà bà H1 đồng ý khi nào bà có tiền thì trả dần cho bà H1. Từ ngày 27/3/2010 âm lịch đến trước ngày 22/10/2023 bà H1 không yêu cầu bà trả nợ, ngày 22/10/2023 bà có nhận được Thông báo đòi nợ của bà H1 hẹn bà trong vòng 10 ngày phải trả nợ nhưng kinh tế khó khăn nên bà không có tiền trả. Bà đồng ý trả tiền gốc 13.720.000 đồng cho bà H1, bà không đồng ý trả tiền lãi vì hai bên không thỏa thuận lãi. Bà không có yêu cầu, ý kiến gì thêm.

**Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 13.720.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 14 tháng 23 ngày với mức 0,83%/tháng thành tiền là 1.681.569 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 15.401.569 đồng, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 13.720.000 đồng và tiền lãi là 1.681.569 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 15.401.569 đồng:

Căn cứ vào hai Giấy vay mượn đề ngày 27/3/2010 (âm lịch) do bà Trần Thị H1 giao nộp và sự thừa nhận của bà Nguyễn Thị T thì việc bà Nguyễn Thị T có vay và còn nợ bà H1 số tiền 13.720.000 đồng là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H1 buộc bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ gốc là 13.720.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn thì Giấy vay mượn đề ngày 27/3/2010 (âm lịch) không thể hiện có thỏa thuận lãi và mức lãi suất, bà H1 không

chứng minh được và bị đơn cũng không thừa nhận khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận đã nhận được thông báo đòi nợ của nguyên đơn gửi vào ngày 22/10/2022 nhưng không trả được nợ. Vì vậy ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn là 10 ngày kể từ ngày 22/10/2022 tức là ngày 02/11/2022. Nguyên đơn được tính lãi từ ngày 02/11/2022 với mức lãi suất 0.83%/tháng tức 9.96%/năm phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi: (13.720.000 đồng x 0.83%/tháng x 14 tháng 23 ngày) là 1.681.569 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 15.401.569 đồng.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị H1**. Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị T** hoàn trả cho bà **Trần Thị H1** số tiền nợ gốc là 13.720.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 1.681.569 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi một nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng), tổng cộng là 15.401.569 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm lẻ một nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị T** phải chịu 770.078 đồng (Bảy trăm bảy mươi nghìn không trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà **Trần Thị H1** 1.199.128 đồng (Một triệu một trăm chín mươi chín nghìn một trăm hai mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006235 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly